

Số 1927/QĐ-CTCP397

Đông Triều, ngày 01 tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu  
Gói thầu số 37: Mua vật tư phụ tùng phục vụ sửa chữa  
các thiết bị xe, máy năm 2024

### GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty Cổ phần;

Căn cứ quy định số 1313/QĐ-CTCP397 ngày 1/7/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hoá, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty cổ phần 397.

Căn cứ Quyết định số 1903/QĐ-CTCP397 ngày 26/9/2024 của Giám đốc Công ty Cổ phần 397 về việc Phê duyệt kế hoạch Mua vật tư phụ tùng phục vụ sửa chữa các thiết bị xe, máy năm 2024;

Căn cứ Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 37: Mua vật tư phụ tùng phục vụ sửa chữa các thiết bị xe, máy năm 2024 do phòng Cơ điện vận tải lập;

Căn cứ Tờ trình ngày 27/9/2024 của Phòng CĐVT về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu số 37: Mua vật tư phụ tùng phục vụ sửa chữa các thiết bị xe, máy năm 2024;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 28/9/2024 của Tổ thẩm định dự toán về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu số 37: Mua vật tư phụ tùng phục vụ sửa chữa các thiết bị xe, máy năm 2024;

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cơ điện vận tải Công ty.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu số 37: Mua vật tư phụ tùng phục vụ sửa chữa các thiết bị xe, máy năm 2024., với nội dung cụ thể như sau:

1. Dự toán:

- Chung loại, số lượng, đặc tính kỹ thuật, đơn giá của hàng hóa: Theo phụ lục đi kèm.

- Chất lượng hàng hóa: Chất lượng hàng hóa: Mới 100% đúng quy cách, chủng loại, sản xuất năm 2020 -:- 2024. Đảm bảo chất lượng theo đúng quy định.

- Bảo hành: Hàng hoá được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. thời gian bảo hành sản phẩm kể từ khi giao hàng cho bên mua và ký vào biên bản giao nhận hàng hóa. Không áp dụng do lỗi lắp đặt, thay thế, vận hành không đúng kỹ thuật của người sử dụng.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu số 37: Mua vật tư phụ tùng phục vụ sửa chữa các thiết bị xe, máy năm 2024.

- Giá trị gói thầu: 4.979.975.880 đồng. (*Bốn tỷ, chín trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi lăm ngàn, tám trăm tám mươi đồng./.* ). Đã bao gồm thuế VAT.

- Bên mời thầu: Công ty Cổ phần 397

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất năm 2024 của Công ty cổ phần 397

- Thời gian lựa chọn nhà thầu: 15 ngày

- Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu: Tháng 10 năm 2024

- Loại hợp đồng: Trọn gói

- Thời gian thực hiện gói thầu: Kể từ ngày hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2024.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày Kể từ ngày hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2024.

- Tùy chọn mua thêm: Không

- Giám sát hoạt động đấu thầu: Không

**Điều 2.** Giao Tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Lưu VT, CĐVT.K03.

**GIÁM ĐỐC**



**Kiều Văn Sinh**

**Phụ lục**  
**BẢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT**

(Kèm theo Quyết định số: ~~1927~~ **1927** QĐ-CTCP397 ngày **01**./10./2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397)

STT	Tên hàng hóa, vật tư	Mã danh điểm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Thuế VAT (%)	Thành tiền bao gồm VAT (VND)
1	Bi trực lai điều hòa-máy phát	06330-06307	Cái	5	1.216.000	6.080.000	8	6.566.400
2	Bình chứa nước làm mát động cơ	21N-03-31491	Cái	4	7.052.000	28.208.000	8	30.464.640
3	Bình nước rửa kính	569-06-61150	Cái	3	9.520.000	28.560.000	8	30.844.800
4	Bộ gioăng phớt xi lanh tay cần	707-98-85320	Bộ	3	31.685.000	95.055.000	8	102.659.400
5	Bộ gioăng phớt xi lanh nâng cần	707-99-78740	Bộ	4	27.497.000	109.988.000	8	118.787.040
6	Bộ gioăng K1	HD465-7R-K1	Bộ	3	41.050.000	123.150.000	8	133.002.000
7	Bộ gioăng K2	HD465-7R-K2	Bộ	3	43.193.000	129.579.000	8	139.945.320
8	Bơm cấp nhiên liệu (bơm điện)	6245-71-8111	Cái	2	24.000.000	48.000.000	8	51.840.000
9	Bơm dầu động cơ	6240-51-1100	Cái	2	33.500.000	67.000.000	8	72.360.000
10	Bu lông	6166-11-9910	Cái	10	637.000	6.370.000	10	7.007.000
11	Bu lông đường nước mặt máy	6215-11-6560	Cái	10	382.000	3.820.000	10	4.202.000
12	Bu lông hãm trục cam	01010-81225	Cái	10	25.000	250.000	10	275.000
13	Ca trong vòng bi	6127-61-3920	Cái	3	2.850.000	8.550.000	8	9.234.000
14	Cảm biến tốc độ động cơ	6261-81-2902	Cái	3	2.230.000	6.690.000	8	7.225.200
15	Cò mổ xu páp	6240-41-5500	Cái	12	6.020.000	72.240.000	8	78.019.200
16	Cò mổ xu páp	6240-41-5400	Cái	12	6.700.000	80.400.000	8	86.832.000
17	Còi lòi	560-01006	Cái	2	5.500.000	11.000.000	8	11.880.000
18	Dây điện vòi phun	6245-81-9110	Cái	6	11.683.000	70.098.000	8	75.705.840

19	Đệm cổ xả tăng áp động cơ	6240-11-5920	Cái	2	884.000	1.768.000	8	1.909.440
20	Gioăng	07002-12434	Cái	29	47.000	1.363.000	8	1.472.040
21	Gioăng	07000-E5230	Cái	2	1.017.000	2.034.000	8	2.196.720
22	Gioăng	07000-E5160	Cái	2	864.000	1.728.000	8	1.866.240
23	Gioăng	07000-G2075	Cái	8	223.000	1.784.000	8	1.926.720
24	Gioăng	07000-15180	Cái	4	226.000	904.000	8	976.320
25	Gioăng	07000-B2012	Cái	105	58.000	6.090.000	8	6.577.200
26	Gioăng	07000-B2015	Cái	25	62.000	1.550.000	8	1.674.000
27	Gioăng	07000-B2021	Cái	19	62.000	1.178.000	8	1.272.240
28	Gioăng	07000-B2065	Cái	7	190.000	1.330.000	8	1.436.400
29	Gioăng	07000-B2075	Cái	4	209.000	836.000	8	902.880
30	Gioăng	07000-B3025	Cái	5	157.000	785.000	8	847.800
31	Gioăng	07000-B3032	Cái	36	146.000	5.256.000	8	5.676.480
32	Gioăng	07000-B3038	Cái	30	158.000	4.740.000	8	5.119.200
33	Gioăng	07000-B3045	Cái	40	178.000	7.120.000	8	7.689.600
34	Gioăng	07000-B5165	Cái	8	533.000	4.264.000	8	4.605.120
35	Gioăng	07002-11423	Cái	110	25.000	2.750.000	8	2.970.000
36	Gioăng	07002-62434	Cái	4	118.000	472.000	8	509.760
37	Gioăng	700-80-61260	Cái	80	24.000	1.920.000	8	2.073.600
38	Gioăng	708-25-62361	Cái	10	581.000	5.810.000	8	6.274.800
39	Gioăng	07000-12065	Cái	80	75.000	6.000.000	8	6.480.000
40	Gioăng	07000-12070	Cái	12	78.000	936.000	8	1.010.880
41	Gioăng	07000-E5500	Cái	1	1.636.500	1.636.500	8	1.767.420
42	Gioăng	07000-12060	Cái	4	71.000	284.000	8	306.720
43	Gioăng	02896-11009	Cái	90	24.000	2.160.000	8	2.332.800
44	Gioăng	07000-02055	Cái	13	73.000	949.000	8	1.024.920
45	Gioăng	07000-12010	Cái	20	25.000	500.000	8	540.000
46	Gioăng	07000-12011	Cái	23	25.000	575.000	8	621.000
47	Gioăng	07000-12018	Cái	9	24.000	216.000	8	233.280
48	Gioăng	07000-12055	Cái	15	68.000	1.020.000	8	1.101.600

49	Gioăng	07000-13030	Cái	10	64.000	640.000	8	691.200
50	Gioăng	07000-13035	Cái	10	63.000	630.000	8	680.400
51	Gioăng	07000-13038	Cái	23	63.000	1.449.000	8	1.564.920
52	Gioăng	07000-13040	Cái	12	66.000	792.000	8	855.360
53	Gioăng	07000-13042	Cái	20	65.000	1.300.000	8	1.404.000
54	Gioăng	07000-13048	Cái	30	69.000	2.070.000	8	2.235.600
55	Gioăng	07000-13050	Cái	17	76.000	1.292.000	8	1.395.360
56	Gioăng	07000-B2055	Cái	10	181.000	1.810.000	8	1.954.800
57	Gioăng	07000-B2060	Cái	20	186.000	3.720.000	8	4.017.600
58	Gioăng	07000-B3048	Cái	90	126.000	11.340.000	8	12.247.200
59	Gioăng	07001-02010	Cái	9	39.000	351.000	8	379.080
60	Gioăng	07002-10823	Cái	9	19.000	171.000	8	184.680
61	Gioăng	07002-11823	Cái	5	25.000	125.000	8	135.000
62	Gioăng	07002-13634	Cái	52	61.000	3.172.000	8	3.425.760
63	Gioăng	07002-15234	Cái	25	69.000	1.725.000	8	1.863.000
64	Gioăng	07002-21423	Cái	9	95.000	855.000	8	923.400
65	Gioăng	07002-63634	Cái	1	161.000	161.000	8	173.880
66	Gioăng	700-93-11320	Cái	23	62.000	1.426.000	8	1.540.080
67	Gioăng	706-66-40460	Cái	11	33.000	363.000	8	392.040
68	Gioăng	709-14-11760	Cái	3	771.000	2.313.000	8	2.498.040
69	Gioăng	07000-12095	Cái	7	90.000	630.000	8	680.400
70	Gioăng	07000-72020	Cái	2	51.000	102.000	8	110.160
71	Gioăng	07000-B2011	Cái	21	59.000	1.239.000	8	1.338.120
72	Gioăng	07000-B2018	Cái	13	62.000	806.000	8	870.480
73	Gioăng	07000-B3028	Cái	1	157.000	157.000	8	169.560
74	Gioăng	708-2L-25490	Cái	15	91.000	1.365.000	8	1.474.200
75	Gioăng	07000-12016	Cái	13	24.000	312.000	8	336.960
76	Gương chiếu hậu	8T-2287	Cái	1	8.520.000	8.520.000	8	9.201.600
77	Keo tạo gioăng	790-129-9170	Cái	12	757.000	9.084.000	10	9.992.400
78	Máy khởi động	600-813-7153	Cái	4	32.070.000	128.280.000	8	138.542.400

79	Móng hãm	6240-41-4520	Cái	192	71.000	13.632.000	8	14.722.560
80	Moto bơm nước rửa kính	ND060210-1470	Cái	22	1.164.000	25.608.000	8	27.656.640
81	Nút bịt đường nước mặt máy	07043-70108	Cái	12	65.000	780.000	8	842.400
82	Nút bịt đường nước mặt máy	07043-70312	Cái	6	109.000	654.000	8	706.320
83	Ống dầu	6245-51-8140	Cái	1	4.389.000	4.389.000	10	4.827.900
84	Ống dầu bằng gang đúc của động cơ	6245-51-8160	Cái	1	6.200.000	6.200.000	10	6.820.000
85	Ống dầu mặt máy	6245-71-5111	Cái	2	3.886.000	7.772.000	10	8.549.200
86	Ống dầu mặt máy	6245-71-5131	Cái	2	3.886.000	7.772.000	10	8.549.200
87	Ống dầu mặt máy	6245-71-5141	Cái	2	3.749.000	7.498.000	10	8.247.800
88	Ống dầu mặt máy	6245-71-5151	Cái	2	3.749.000	7.498.000	10	8.247.800
89	Ống dầu mặt máy	6245-71-5161	Cái	2	3.791.000	7.582.000	10	8.340.200
90	Phốt bơm thủy lực số 1,2	708-25-52861	Cái	4	2.368.000	9.472.000	8	10.229.760
91	Phốt bơm thủy lực số 3	708-27-22811	Cái	1	3.278.000	3.278.000	8	3.540.240
92	Phốt cụm lai máy phát	6151-71-3150	Cái	2	620.000	1.240.000	8	1.339.200
93	Phốt trục trung tâm	703-11-95120	Cái	24	900.000	21.600.000	8	23.328.000
94	Phốt mô tơ quay toa	706-8J-41420	Cái	4	3.757.000	15.028.000	8	16.230.240
95	Phốt tăng đai quạt gió	6245-61-3970	Cái	9	382.000	3.438.000	8	3.713.040
96	Phốt trục cơ (6240-29-4250)	6240-21-4250	Cái	2	9.596.000	19.192.000	8	20.727.360
97	Tuy ô dầu	6245-71-5181	Cái	2	2.264.000	4.528.000	10	4.980.800
98	Tuy ô đường nước mặt máy	6245-11-6510	Cái	1	2.795.000	2.795.000	10	3.074.500
99	Van định áp	ND095420-0440	Cái	1	7.289.000	7.289.000	8	7.872.120
100	Van hằng nhiệt	600-421-6630FS	Cái	6	2.088.000	12.528.000	8	13.530.240
101	Van phanh rà	569-43-83171	Cái	2	41.000.000	82.000.000	8	88.560.000
102	Vòng bi	23124CE4C3S11 / 23124CAME4C3S11	Cái	2	15.500.000	31.000.000	8	33.480.000
103	Vòng bi	22326CAME4C3S11	Cái	2	38.000.000	76.000.000	8	82.080.000
104	Vòng bi	HR32052XJ	Vòng	2	55.000.000	110.000.000	8	118.800.000
105	Vòng bi	HR32056XJ	Vòng	2	59.000.000	118.000.000	8	127.440.000
106	Vòng bi (6162-64-3910)	4RNA6906	Vòng	6	2.134.000	12.804.000	8	13.828.320

107	Vòng bi	6316ZZCM	Vòng	10	3.000.000	30.000.000	8	32.400.000
108	Vòng bi quả dứa nhỏ	HH926749/926710	Vòng	3	33.000.000	99.000.000	8	106.920.000
109	Vòng bi quả dứa to	HH923649/923610	Vòng	3	44.000.000	132.000.000	8	142.560.000
110	Xéc măng ống xả động cơ	6162-13-5480	Cái	6	544.000	3.264.000	8	3.525.120
111	Xu pạp hút	6240-41-4110	Cái	48	1.699.000	81.552.000	8	88.076.160
112	Xu pạp xả	6240-41-4220	Cái	48	2.952.000	141.696.000	8	153.031.680
113	Xi e hút	6240-11-1330	Cái	72	1.579.000	113.688.000	8	122.783.040
114	Xi e xả	6245-11-1320	Cái	72	1.986.000	142.992.000	8	154.431.360
115	Gioăng phốt xi lạnh lái	721-98-00210	Bộ	6	6.500.000	39.000.000	8	42.120.000
116	Bộ lọc dầu phanh	569-43-83911	Bộ	2	21.000.000	42.000.000	8	45.360.000
117	Bi chữ thập các đăng trước (421-20-32621)	114-9016D	Cụm	5	8.500.000	42.500.000	8	45.900.000
118	Cao su giảm chấn nhỏ	285-01-12411	Cái	12	1.601.000	19.212.000	8	20.748.960
119	Cao su giảm chấn to	569-01-62410	Cái	12	2.183.000	26.196.000	8	28.291.680
120	Măng xéc phụ	707-51-16650	Cái	10	3.366.000	33.660.000	8	36.352.800
121	Măng xéc	566-50-6A410	Cái	10	4.198.000	41.980.000	8	45.338.400
122	Phốt chấn bụi	569-50-61230	Cái	10	3.414.000	34.140.000	8	36.871.200
123	Bạc dẫn hướng	569-50-6A181	Cái	9	20.559.000	185.031.000	8	199.833.480
124	Bơm nước động cơ	6240-61-1106	Cụm	2	33.500.000	67.000.000	8	72.360.000
125	Cảm biến	6219-81-1961	Cái	5	1.310.000	6.550.000	8	7.074.000
126	Bi cụm lai máy phát	06330-06309	Vòng	5	1.820.000	9.100.000	8	9.828.000
127	Bi puli cánh quạt	06337-06210	Vòng	5	1.213.000	6.065.000	8	6.550.200
128	Bi puli cánh quạt	06337-06311	Vòng	5	3.169.000	15.845.000	8	17.112.600
129	Vòng bi trục giảm chấn	06340-06217	Vòng	5	3.278.000	16.390.000	8	17.701.200
130	Máy khởi động	410-12723 (410-12751)	Cái	2	42.225.000	84.450.000	8	91.206.000
131	Lọc gió cabin	426-07-32442	Cái	10	1.594.000	15.940.000	8	17.215.200
132	Còi điện	427-06-21211	Cái	1	9.215.000	9.215.000	8	9.952.200

133	Van bình tích năng	566-43-82810	Cái	3	57.500.000	172.500.000	8	186.300.000
134	Cao su chân máy	569-01-81130	Cái	20	3.573.000	71.460.000	8	77.176.800
135	Xéc măng 465-7R	6245-31-2010	Bộ	13	5.529.000	71.877.000	8	77.627.160
136	Xéc măng 465-7	6240-31-2030	Bộ	6	5.287.000	31.722.000	8	34.259.760
137	Piston	6245-31-2110	Cái	6	23.310.000	139.860.000	8	151.048.800
138	Piston 465-7	6240-31-2111	Cái	6	24.148.000	144.888.000	8	156.479.040
139	Bộ gioăng K1	6241-K1-9900	Bộ	2	41.740.000	83.480.000	8	90.158.400
140	Bộ gioăng K2	6241-K2-9900	Bộ	2	32.040.000	64.080.000	8	69.206.400
141	Cụm van điều khiển ben	56B-43-12402	Cụm	1	51.440.000	51.440.000	8	55.555.200
142	Bi puli trung gian	06301-06306	Vòng	10	698.000	6.980.000	8	7.538.400
143	Xéc măng	07018-20353	Cái	1	1.649.000	1.649.000	8	1.780.920
144	Xéc măng	07018-20753	Cái	1	2.716.000	2.716.000	8	2.933.280
145	Vòng bi	281-13-31180	Vòng	1	8.631.000	8.631.000	8	9.321.480
146	Vòng bi	568-13-13351	Vòng	1	9.008.000	9.008.000	8	9.728.640
147	Ca ngoài	569-13-52124	Cái	1	46.950.000	46.950.000	8	50.706.000
148	Bạc đỡ	569-13-52171	Cái	2	36.423.000	72.846.000	8	78.673.680
149	Vòng bi giảm tốc cạnh	569-22-72520	Vòng	18	7.760.000	139.680.000	8	150.854.400
150	Phốt	6162-64-3940	Cái	6	1.668.000	10.008.000	8	10.808.640
151	Van hằng nhiệt két sinh hàn	6212-65-2610	Cái	8	1.159.000	9.272.000	8	10.013.760
152	Vòng gioăng tích áp	721-47-12021	Cái	15	2.813.000	42.195.000	8	45.570.600
153	Phốt bình tích áp	721-47-12080	Cái	15	3.104.000	46.560.000	8	50.284.800
154	Gioăng	07000-11009	Cái	50	23.000	1.150.000	8	1.242.000
155	Gioăng mặt xoa nhỏ	180-27-11620	Cái	6	922.000	5.532.000	8	5.974.560
156	Gioăng mặt xoa to 198-27-11550	198-27-12140	Cái	6	2.280.000	13.680.000	8	14.774.400
157	Gioăng bình tích áp	07000-12100	Cái	24	91.000	2.184.000	8	2.358.720
158	Gioăng bình tích áp	07000-15090	Cái	24	162.000	3.888.000	8	4.199.040
159	Cảm biến áp suất thanh nhiên liệu	ND499000-6160	Cái	5	6.350.000	31.750.000	8	34.290.000
160	Công tắc áp suất phanh rà	418-43-37681	Cái	5	4.350.000	21.750.000	8	23.490.000

161	Vòng bi máy phát	KD0-09201-1400	Vòng	4	2.530.000	10.120.000	8	10.929.600
162	Gioăng tròn	07000-72105	Cái	10	193.000	1.930.000	8	2.084.400
163	Gioăng tròn	07000-72040	Cái	16	129.000	2.064.000	8	2.229.120
164	Lọc gió	561-02-00010	Bộ	10	4.300.000	43.000.000	8	46.440.000
165	Gioăng phốt piton lên ben	707-99-73800	Bộ	2	18.800.000	37.600.000	8	40.608.000
	<b>Tổng</b>					<b>4.609.689.500</b>		<b>4.979.975.880</b>
	<b>Bảng chữ:</b>	<b>Bốn tỷ chín trăm bảy mươi chín triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn tám trăm tám mươi đồng.</b>						

**Phụ lục**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN 397**  
**BẢNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

(Kèm theo Quyết định số 192 ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu và tóm tắt nội dung	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
1	Công ty cổ phần 397	Gói thầu số 37: Mua sắm vật tư, phụ tùng phục vụ sửa chữa các thiết bị xe máy năm 2024	4.979.975.880	Chi phí sản xuất năm 2024 của Công ty cổ phần 397	Chào hàng cạnh tranh	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	15 ngày	Tháng 10 năm 2024	Trọn gói	Kể từ ngày hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực đến hết 31/12/2024	Không	Không